TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2020/DS-PT
Ngày 08/12/2020
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà;
Ông Trần Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2020/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 56/QĐ-PT ngày 19/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, nơi cư trú: Số 10 N, Tiểu khu B, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L; nơi cư trú: Số 107/5 H, Khu phố S, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; (có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; sau đó vắng mặt từ phần tranh tụng tại phiên tòa, có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Tấn P - Văn phòng luật sư T; địa chỉ: 11B N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; (có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; sau đó vắng mặt từ phần tranh tụng tại phiên tòa).

3. Người làm chứng: Ông Trương Đức K; nơi cư trú: Số nhà 34C T, khu phố S, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Hoàng L đã nhiều lần vay tiền của Bà Lê Thị H, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/6/2019 (nhằm ngày 01/5/2019 âm lịch), ông L vay của bà H số tiền 40.000.000 đồng, có lập thành văn bản là "*Giấy mượn tiền",* nội dung thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng (30 ngày), kể từ ngày 01/5/2019 (âm lịch). Văn bản này do ông Nguyễn Hoàng L lập và ký xác nhận.

Lần thứ hai: Vào ngày 20/8/2019, ông L tiếp tục vay của bà H 870.000.000đồng, thỏa thuận hẹn đến ngày 20/11/2019 hoàn trả đầy đủ. Ông Nguyễn Hoàng L đã lập văn bản là *"Giấy mượn tiền"* có ký xác nhận.

Đến hạn, bà H nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không thực hiện theo cam kết mà ông L đã lập văn bản "*Giấy gia hạn*", với nội dung: Xin gia hạn đến ngày 20/01/2020 âm lịch (nhằm ngày 13/02/2020 dương lịch) sẽ hoàn trả 870.000.000đồng và ngày 01/5/2019 có mượn 40.000.000đồng. Tổng số tiền là 910.000.000đồng. Nếu không trả thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu tính lãi suất 20%/01 năm. Tuy nhiên, ông L vẫn không trả nợ được đúng theo thời hạn đã thỏa thuận.

Bà Lê Thị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng L trả cho bà H số tiền: 920.970.000đồng. Trong đó: Nợ gốc theo giấy mượn tiền ngày 03/6/2019 và ngày 20/8/2019 là: 910.000.000 đồng (40.000.000đồng + 870.000.000đồng); tiền lãi vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ 13/02/2020 đến ngày 05/3/2020 là 22 ngày: 10.970.000đồng (lãi suất 20%/năm) và tiếp tục tính lãi cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thay đổi yêu cầu: Buộc ông L trả số tiền nợ gốc 910.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy gia hạn 14/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5 tháng 20 ngày x 10%/năm x 910.000.000đồng = 42.972.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 952.972.000đồng.

2. Theo bản trình bày ý kiến ngày 08/6/2020 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông L thừa nhận ông L có vay bà H 40.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 03/6/2019. Văn bản "*Giấy mượn tiền*" mà Hà giao nộp cho Tòa án là do ông L viết và ký. Tuy nhiên, khoản vay này ông L đã trả cả gốc và lãi cho bà H tổng cộng 55.000.000đồng bằng tiền mặt trong 3 lần, cụ thể: ngày 19/7/2019 trả cho bà H 20.000.000 đồng tại đường Hùng Vương trước Nhà hát thành phố Đông Hà; ngày 06/8/2019 trả cho bà H 25.000.000đồng tại đường H trước Nhà hát thành phố Đông Hà; ngày 16/4/2020 trả cho bà H 10.000.000đồng tại cầu Đ, thành phố Đông Hà. Các lần ông L trả nợ cho bà H kể trên đều không viết giấy hay lập thành văn bản. Việc

giao nhận tiền chỉ có mặt bà H và ông L, không có người làm chứng. Ông L đã đưa tiền trực tiếp cho bà H.

Đối với "*Giấy mượn tiền*" ngày 20/8/2019 và "*Giấy gia hạn*" do bà H giao nộp cho Tòa án đều là chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Hoàng L. Tuy nhiên, ông L chỉ lập các văn bản trên theo yêu cầu của bà H, thực tế ông L không vay bà H khoản tiền 870.000.000đồng. Hiện tại ông L không còn nợ bà H khoản nợ nào. Giải thích về lý do ông L đã viết "*Giấy gia hạn*", ông L cho rằng: Bà H đề nghị ông L viết vào mặt sau của "*Giấy mượn tiền*" ngày 20/8/2019 nên ông L đồng ý viết "*Giấy gia hạn*" nói trên. Đây không phải là ý chí xin gia hạn của ông L.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm vào ngày 10/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị giám định chữ viết đối với 02 bản viết tay nội dung tính lãi từ tháng 07 đến tháng 12 đối với khoản tiền vay, hình thức viết trên giấy ô ly, vở Tân Tiến và đề nghị Tòa án thu thập chữ viết của bà H làm mẫu so sánh, giám định để xác định chữ viết trong tài liệu giám định có phải được bà H viết ra hay không.

Ngày 28/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị về việc bổ sung người tham gia tố tụng khác và tiến hành đối chất giữa đương sự với người làm chứng là ông Trương Đức K là người biết về tình tiết vụ án.

3. Tại văn bản "Giấy xác nhận" ngày 18/11/2020 ông Trương Đức K trình bày:

Do cần tiền để giải quyết công việc, ông Nguyễn Hoàng L có nhờ ông K vay tiền và ông K có quen bà H là người cho vay tiền nên ông K đã nhắn tin với bà H trao đổi để bà H cho ông L vay số tiền 40.000.000đồng, bà H nhất trí với điều kiện ông K là người bảo lãnh.Khi nhận tiền và trao đổi tiền ông K không có mặt và được ông L trao đổi và cho biết: Ngày 03/6/2019 bà H cầm tiền ra Đông Hà cho ông L vay 40.000.000đồng. Số tiền trên ông L đã trả cho bà H 03 lần tổng cộng: 67.000.000đồng.

Ngày 23/01/2020 (tức 29/12/2019 âm lịch) bà H gọi ông K và ông L vào nhà để thanh toàn tiền vay. Do ông K bận công việc nên ông L vào một mình để gặp bà H (sau đó ông L có cầm cho ông K 01 cái áo và nói là bà H gửi tết) và được ông L kể lại với nội dung: Bà H tính tiền lãi 811.320.000đồng (có kèm bảng tính lãi) và yêu cầu ghi ngày vay là 20/8/2019 với lãi suất 20%/năm, đồng thời yêu cầu viết giấy gia hạn chưa có tiền thì tính lãi suất 20%/năm. Ông K khẳng định giấy mượn tiền ngày 20/8/2019 với số tiền 910.000.000đồng không phải là món tiền vay mới, mà là số tiền mà Bà Lê Thị H tính lãi từ số tiền vay gốc 40.000.000đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà Quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ trả cho Bà Lê Thị H số tiền 952.972.000đồng (*Chín trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 910.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/02/2020 đến ngày 04/8/2020 là: 42.972.000đồng theo các Giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019 âm lịch (tức là ngày 03/6/2019 dương lịch) và ngày 20/8/2019.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2020 ông Nguyễn Hoàng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà với nội dung: Tòa án sơ thẩm buộc ông L phải trả hơn 952.000.000đồng cho bà H là chưa khách quan, chưa đúng sự thật và không phù hợp với quy định của pháp luật về quan hệ tranh chấp. Đã quá thời hạn theo quy định của pháp luật nhưng tòa án cấp sơ thẩm vẫn chưa gửi bản án cho ông L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị: Tạm ngừng phiên tòa để Tòa án tiến hành đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng (ông K); rút yêu cầu giám định 02 bản viết tay nội dung tính lãi từ tháng 07 đến tháng 12 đối với khoản tiền vay, hình thức viết trên giấy ô ly, vở Tân Tiến nhưng lại đề nghị giám định tuổi mực tại giấy mượn tiền ngày 20/8/2019 vì ông L cho rằng giấy này thực tế được viết vào ngày 13/02/2020.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, ban hành các văn bản tố tụng, chấp hành thời hạn tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, người kháng cáo bỏ về tại giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa nhưng vẫn yêu cầu HĐXX xét xử vắng mặt họ, không rút kháng cáo, nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Xét yêu cầu của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc tạm ngừng phiên tòa:

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng chưa hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo bổ sung người tham gia tố tụng để ông Trương Đức K là người làm chứng trong vụ án có văn bản trình bày ý kiến. HĐXX thấy rằng, vào ngày 30/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận tài liệu do người bảo vệ quyền và lợi quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nộp trong đó có văn bản: "*Giấy xác nhận*" (đề ngày 18/11/2020) của ông Trương Đức K trình bày ý kiến về những sự việc mà ông K biết có liên quan đến vụ án. Như vậy, ông K đã có văn bản trình bày ý kiến đối với tranh chấp giữa các đương sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập người làm chứng đến phiên tòa mà người làm chứng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên HĐXX vẫn xét xử vắng mặt người làm chứng và xem xét ý kiến của người làm chứng đã gửi đến Tòa án trước đó.

Ngày 10/11/2020, ông Nguyễn Hoàng Lcó đơn đề nghị giám định chữ viết đối với 02 bản viết tay nội dung tính lãi từ tháng 07 đến tháng 12 đối với khoản tiền vay, hình thức viết trên giấy ô ly, vở Tân Tiến và đề nghị Tòa án thu thập chữ viết của bà H làm mẫu so sánh, giám định để xác định chữ viết trong tài liệu giám định có phải được bà H viết ra hay không. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận chữ viết trên là của mình và cho rằng nội dung trên đó không liên quan gì đến khoản vay hoặc tính lãi như ông L trình bày và đó là giấy nháp đã bị gạch chéo do ông L lấy từ nhà bà H. Do bà H đã thừa nhận là chữ viết của mình nên ông L rút yêu cầu giám định.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tiến hành giám định tuổi mực đối với giấy mượn tiền ngày 20/8/2019 mà bị đơn cho rằng thực chất là được viết vào ngày 13/02/2020. HĐXX thấy rằng, tại giấy mượn tiền ngày 20/8/2019 ông Nguyễn Hoàng Lthừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký trên là do ông L viết và ký. Mặt khác, tiếp sau đó tại "*Giấy gia hạn*" không ghi ngày tháng đã xác định rõ nghĩa vụ của 02 khoản vay theo Giấy mượn tiền ngày 03/6/2019 và ngày 20/8/2019 với tổng số tiền gia hạn đến ngày 20/01/2020 âm lịch (nhằm ngày 13/02/2020 dương lịch) sẽ hoàn trả 870.000.000đồng và ngày 01/5/2019 có mượn 40.000.000đồng, tổng số tiền là 910.000.000đồng, tại văn bản này ông L cũng thừa nhận là chữ viết và chữ ký của mình. Ông L là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, quá trình giải quyết vụ án đều thừa nhận các giấy mượn tiền, giấy gia hạn trên đều do bản thân mình viết và ký tên nên việc giám định tuổi mực như theo yêu cầu của bị đơn và người bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không cần thiết. Nguyên đơn cho rằng, chính ông L là người viết và ký vào giấy mượn tiền và Giấy xác nhận gia hạn nên ngày nào trong giấy cũng do ông L ghi chứ không phải bà H ghi, ông L đề nghị giám định hoặc tạm ngừng phiên tòa mục đích là nhằm kéo dài việc xét xử của Tòa án nhằm chây ì việc trả nợ.

Đối với yêu cầu đề nghị tiến hành đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng. Thấy rằng, việc đối chất giữa các bên đương sự và người làm chứng là không bắt buộc, tại phiên tòa phúc thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn nếu xét thấy cần thiết Tòa án để các bên đối chất với nhau. Tuy nhiên, sau khi HĐXX thảo luận và không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa thì bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xin phép rời khỏi phòng xử án và đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Mặt khác, tại văn bản trình bày ý kiến của người làm chứng, ông Trương Đức K đã xác nhận là đối với các khoản vay giữa ông L với bà H, khi các bên giao nhận tiền ông K không có mặt mà chỉ nghe ông L kể lại, ông K không trực tiếp chứng kiến việc đó và ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

[1.2]. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trả lại số tiền đã vay theo Giấy gia hạn xác lập nghĩa vụ trả nợ 870.000.000đồng theo Giấy mượn tiền lập ngày 20/8/2019 và 40.000.000 đồng, tổng cộng là 910.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 05/01/2019 âm lịch (tức là ngày 03/6/2019 dương lịch) và hẹn đến ngày 20/01/2020 âm lịch (tức là ngày 13/02/2020 dương lịch) trả nợ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 463 BLDS, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xác định quan hệ: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L:

[2.1]. Nội dung của "*Giấy gia hạn*" xác định rõ nghĩa vụ của 02 khoản vay theo Giấy mượn tiền ghi ngày 01/5/2019 âm lịch (tức là ngày 03/6/2019 dương lịch) và ngày 20/8/2019, ông L thừa nhận chữ ký và chữ viết là của mình. Như vậy, có căn cứ để xác định ông L có vay của bà H 02 lần với số tiền lần một là 40.000.000 đồng và số tiền lần hai là 870.000.000 đồng. Hợp đồng được giao kết giữa bà H và ông L đảm bảo về hình thức và nội dung, tuân thủ quy định pháp luật. Ông L cho rằng đã trả toàn bộ cho bà H và hiện tại ông L không còn nợ bà H khoản nợ nào, đối với "*Giấy gia hạn*" ông L cho rằng bà H đề nghị ông L viết vào mặt sau của "*Giấy mượn tiền*" ngày 20/8/2019 nên ông L đồng ý viết "*Giấy gia hạn*", đây không phải là ý chí xin gia hạn của ông L. Tại văn bản trình bày của người làm chứng, ông Trương Đức K xác nhận số tiền

910.000.000đồng không phải là món vay mới mà là số tiền bà H tính lãi từ số tiền vay gốc 40.000.000đồng. Tuy nhiên, tất cả các ý kiến của ông L và ông K đều không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, Bà Lê Thị H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng Lphải chịu tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 14/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. HĐXX thấy rằng, cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc là đúng quy định.

[2.3]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 269 BLTTDS, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2020) Tòa án phải gửi bản án cho đương sự nhưng đến ngày thứ 42 (ngày 14/9/2020) bị đơn mới được giao bản án. Thấy rằng, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm đã được nghe tuyên đọc bản án và đã thực hiện quyền kháng cáo của mình trong hạn luật định, việc giao bản án có muộn nhưng ông L có kháng cáo và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo nên việc kháng cáo của bị đơn đã được đảm bảo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị H.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng Lcó nghĩa vụ trả cho Bà Lê Thị H số tiền 952.972.000đồng (*Chín trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 910.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/02/2020 đến ngày 04/8/2020 là: 42.972.000đồng theo các Giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2019 âm lịch (tức là ngày 03/6/2019 dương lịch) và ngày 20/8/2019.

2. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu 40.589.000đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000691 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Đông Hà. Ông L tiếp tục phải nộp số tiền 40.589.000 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho Bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 19.814.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000488 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tp Đông Hà;
- VKSND tp Đông Hà;
- Chi cục THADS tp Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Luật